

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 275/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Tạ Công Minh**

2/ Ông: **Lê Văn Minh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông **Nguyễn Thành Phục** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện CT tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa bà: **Lương
Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021
về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐST-
HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Võ Thành T** ; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Đào Thị Kiều T1** ; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp TL 1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/11/2020 và trong biên bản hòa giải ngày
29/3/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Võ Thành T trình bày:

Anh và chị Đào Thị Kiều T1 cưới và chung sống với nhau vào năm 2011,
có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát
sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị T1 không lo làm ăn
và không quan tâm đến gia đình chồng. Vào năm 2017 anh có nộp đơn tại Tòa án
nhân dân huyện CT yêu cầu ly hôn với chị T1 nhưng sau đó anh rút đơn để tạo cơ
hội vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, chị T1 vẫn không thay đổi nên đến năm 2019 anh
lại nộp đơn xin ly hôn với chị T1 lần nữa, lần này anh cũng rút đơn để vợ chồng
hàn gắn lo cho con, anh có nhờ gia đình đến rước chị T1 về nhưng chị T1 không
chịu về. Anh và chị T1 sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Nay

mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Đào Thị Kiều T1.

Về con: Anh và chị T1 có một con chung tên Võ Quốc Bảo, sinh ngày 07/5/2012 hiện chị T1 đang nuôi con. Nay anh đồng ý để chị T1 trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong biên bản hòa giải ngày 29/3/2021 cũng như tại Tòa hôm nay, chị Đào Thị Kiều T1 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Năm 2017 và năm 2019 anh T có nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó anh T rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Năm 2019 anh T và mẹ chồng có đến rước chị về nhưng chị không đồng ý về chung sống do chị và mẹ chồng còn mâu thuẫn. Chị thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T không đáng kể nên chị không đồng ý ly hôn, chị mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con.

Về con: Chị và anh T có một con chung tên Võ Quốc Bảo, sinh ngày 07/5/2012 hiện chị đang nuôi con. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự tham gia tố tụng: đã tuân thủ đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Thành T. Về con giao con chung tên Võ Quốc Bảo, sinh ngày 07/5/2012 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Thành T và chị Đào Thị Kiều T1 được xác lập vào tháng 8 năm 2011 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T đã hai lần nộp đơn ly hôn và cũng đã rút đơn để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T và chị T1 vẫn không hòa hợp và sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị T1 không còn hạnh phúc từ đầu năm 2013 đến năm 2017 anh T nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng anh T đã rút đơn ly hôn nhưng anh T và chị T1 vẫn không đoàn tụ, đến năm 2019 anh T một lần nữa nộp đơn ly hôn tại Tòa án và lần này với mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh T lại rút đơn ly hôn và cùng mẹ đến rước chị T1 về chung sống nhưng chị T1 không đồng ý về dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị T1 cho rằng còn thương

anh T và mong muốn vợ chồng hàn gắn nên không đồng ý ly hôn nhưng chị T1 lại không chấp nhận về chung sống với anh T mặc dù anh đã nhiều lần tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Xét lời trình bày của chị T1 là không phù hợp. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T đã trở nên trầm trọng, hạnh phúc gia đình đã thật sự tan vỡ, khả năng đoàn tụ là không có, vì vậy nhằm để giải phóng tình cảm cho nhau, Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị T1 là không gì trái với quy định của pháp luật.

[3] Về con: Anh T và chị T1 có 01 con chung tên Võ Quốc Bảo sinh ngày 07/5/2012, hiện chị T1 đang trực tiếp nuôi con. Nay anh T và chị T1 thống nhất chị T1 trực tiếp nuôi con, anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy sự thỏa thuận này của anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu Bảo và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: Cho anh Võ Thành T được ly hôn với chị Đào Thị Kiều T1.

2/ Về con: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị T1 về con như sau: Chị T1 được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Quốc Bảo, sinh ngày 07/5/2012. Anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 chưa yêu cầu.

Anh T được quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003796 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT xem như nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyết Linh